

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **101/2022/HS-PT**

Ngày: 19/9/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Minh Long**

*Các thẩm phán:* Ông **Phan Vĩnh Chuyển**

Ông **Bùi Trọng Danh**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Từ Văn Hoàng Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông **Lương Hồng Minh** - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 75/2022/TLPT-HS ngày 01/8/2022 đối với bị cáo Đặng Đức T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2022/HS-ST ngày 27/6/2022 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

*Bị cáo có kháng cáo:* **Đặng Đức T**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 23 tháng xx năm 19xx tại thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Xóm xx, thôn XD, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Đặng Văn Q (sinh năm 19xx) và bà Nguyễn Thị Kim D (sinh năm 19xx); Có vợ Nguyễn Ngọc D (sinh năm 19xx) và 02 con (con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2021). Tiền án, tiền sự: Chưa;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/3/2022 đến ngày 17/5/2022 Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

*\* Người bào chữa cho bị cáo Đặng Đức T:* Ông **Vũ Minh T** - Luật sư Công ty luật TN, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 02/2022, do cần tiền để trả nợ và chi tiêu cá nhân nên Đặng Đức T nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác, lợi dụng hoàn cảnh dịch bệnh Covid-19 xảy ra, biết nhiều người muốn mua sản phẩm xét nghiệm Covid nên T dùng mạng xã hội Facebook giả và đăng tin về việc bán các sản phẩm về test Covid giá rẻ nhằm chiếm đoạt tiền của người mua hàng. T lập tài khoản Facebook có tên “Chuyên hàng Trung Quốc” đăng các thông tin lên mạng xã hội về việc bán các sản phẩm về xét nghiệm Covid với giá rẻ.

Ngày 25/02/2022, chị Đoàn Thị Như T tạm trú tại phường TT, quận TK, thành phố Đà Nẵng thấy thông tin T đăng tải nên dùng tài khoản Facebook có tên “Như T” nhắn tin trao đổi với T để đặt mua sản phẩm xét nghiệm Covid. Quá trình trao đổi, T giả vờ nói với chị T mình có số lượng lớn que test xét nghiệm Covid 19 rẻ hơn so với giá thị trường nên chị T tin tưởng và đồng ý mua 2.700 que test Covid với giá 55.000 đồng/01 que test. T sử dụng tài khoản Zalo có tên “Sỉ Lẻ Hàng Trung Quốc” và số điện thoại 0365.237.723 liên lạc và yêu cầu chị T chuyển khoản 45.000.000 đồng để đặt cọc. Do tin tưởng nên vào khoảng 16 giờ cùng ngày, chị T chuyển khoản 45.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu của chị T đến số tài khoản 19036002749012 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam mang tên Hà Ngọc Q. Tài khoản trên do T cung cấp cho chị T.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, T mua 03 thùng khẩu trang y tế, chụp ảnh bên ngoài gửi cho chị T xem và mang đến khu vực bến xe Nước Ngầm thuộc địa bàn quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, gửi số hàng khẩu trang nêu trên thông qua nhà xe TC do anh Nguyễn Văn T1 là tài xế chạy tuyến Hà Nội - Đà Nẵng vào cho chị T. T chụp ảnh việc giao hàng rồi gửi cho chị T, mục đích là để tạo sự tin tưởng cho chị T. T thông báo đã chuyển số que test xét nghiệm Covid cho chị T, đồng thời yêu cầu chị T thanh toán số tiền còn lại như thỏa thuận. Chị T tiếp tục chuyển khoản 103.700.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng của chị T đến số tài khoản 19038191544011 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam mang tên Nguyễn Hồng Q1, tài khoản này do T mua lại của một người khác. Sau đó, T chặn liên lạc với chị T, xóa tài khoản Zalo. Số tiền chiếm đoạt được, T chuyển về tài khoản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam do T đứng tên rồi rút tiền để trả nợ và chi tiêu hết.

*Tại Bản án sơ thẩm số 64/2022/HS-ST ngày 27/6/2022 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:*

Căn cứ: Điểm c khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự; Xử phạt: Đặng Đức T 03 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Được trừ đi thời gian tạm giam trước đây 02 (hai) tháng

06 (sáu) ngày. Bị cáo phải chấp hành hình phạt còn lại là 03 (ba) năm 03 (ba) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo bản án.

Ngày 08/7/2022, bị cáo Đặng Đức T có đơn kháng cáo với nội dung: Gia đình có ông nội là liệt sỹ, bà nội là người có công với cách mạng hiện già yếu; bản thân chưa có tiền án tiền sự, mẹ đã già yếu có nhiều bệnh nền, vợ mới đi làm công nhân lại sau khi sinh, các con còn nhỏ sinh năm 2019 và 2021, là lao động chính trong gia đình; trước khi khởi tố vụ án đã bồi thường trả lại toàn bộ số tiền cho bị hại; lần đầu vi phạm pháp luật do thiếu suy nghĩ và bồng bột; xin Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho hưởng án treo.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Bị cáo Đặng Đức T thừa nhận hành vi phạm tội như án sơ thẩm đã kết luận; giữ nguyên nội dung kháng cáo; bổ sung thêm tình tiết mới về gương người tốt việc tốt có công trong việc cứu người đuối nước và tin báo tố giác tội phạm giúp cơ quan Công an triệt phá vụ án liên quan đến ma túy tại được các cơ quan chức năng xác nhận, hiện hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; xin Hội đồng xét xử xem xét đơn kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

- Luật sư Vũ Minh T có quan điểm bào chữa cho bị cáo như sau: Không có ý kiến gì về tội danh, điểm khoản Điều luật mà cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo. Tuy nhiên, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết như: Số tiền mà bị cáo lấy được của bị hại là 148.700.000 đồng đây là giá trị chiếm đoạt được quy định tại khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự; toàn bộ số tiền này đã được bị cáo trả lại cho bị hại vào ngày 08/3/2022 trước khi cơ quan Công an khởi tố vụ án; bị cáo có rất nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, hoàn cảnh gia đình bị cáo đặc biệt khó khăn, là gia đình có truyền thống cách mạng, có ông nội là liệt sỹ, bà nội là người có công với cách mạng hiện già yếu; bản thân chưa có tiền án tiền sự, mẹ đã già yếu có nhiều bệnh nền, vợ mới đi làm công nhân lại sau khi sinh, các con còn nhỏ sinh năm 2019 và 2021, là lao động chính trong gia đình, lần đầu vi phạm pháp luật do thiếu suy nghĩ và bồng bột. Đặc biệt trong thời gian chờ xét xử phúc thẩm bị cáo có các tình tiết mới về gương người tốt việc tốt có công trong việc cứu người đuối nước và tin báo tố giác tội phạm giúp cơ quan Công an triệt phá vụ án liên quan đến ma túy được các cơ quan chức năng xác nhận. Do vậy, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về thủ tục: Đơn kháng cáo của bị cáo Đặng Đức T theo đúng thủ tục và trong thời hạn kháng cáo nên đảm bảo hợp lệ.

+ Về nội dung kháng cáo: Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2022/HS-ST ngày 27/6/2022 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật. Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, đã có xét đến nhân thân, điều kiện, hoàn cảnh gia đình của bị cáo, xử phạt bị cáo mức án 03 năm 06 tháng tù là mức án dưới khung hình phạt và đã có xem xét chiều cố rất nhiều cho bị cáo. Mặc dù, trong giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo có cung cấp thêm tình tiết mới về gương người tốt việc tốt, có công trong việc cứu người đuối nước và tin báo tố giác tội phạm giúp cơ quan Công an triệt phá vụ án liên quan đến ma túy, được các cơ quan chức năng xác nhận, nhưng xét mức án trên là phù hợp, các tình tiết mới trên không làm thay đổi nhiều đến bản chất của vụ án và căn cứ quyết định hình phạt của Tòa án cấp sơ thẩm. Do đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đặng Đức T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định: Khoảng tháng 02/2022, do cần tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân nên Đặng Đức T nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác, T dùng mạng xã hội Facebook giả vờ đăng tin về việc bán các sản phẩm về test covid giá rẻ nhằm chiếm đoạt tiền của người mua hàng. Lợi dụng sự nhẹ dạ cả tin của chị Đoàn Thị Như T, bị cáo T đã chiếm đoạt số tiền 148.700.000 đồng.

Vì vậy, Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2022/HS-ST ngày 27/6/2022 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2]. Xét nội dung đơn kháng cáo của bị cáo Đặng Đức T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Dịch bệnh Covid-19 đã được Thủ tướng ban bố tình trạng khẩn cấp trên quy mô toàn quốc theo Quyết định số 447/QĐ-Ttg từ ngày 01/4/2020, chưa được

công bố chấm dứt dịch bệnh. Nhưng lợi dụng tình trạng dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến nghiêm trọng và phức tạp, lợi dụng tình trạng khan hiếm các thiết bị vật tư y tế, trong đó có que test xét nghiệm Covid-19, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin không đúng sự thật về việc cung cấp Kit test xét nghiệm Covid với giá rẻ, lợi dụng sự nhẹ dạ cả tin của bị hại để 02 lần chiếm đoạt của người bị hại số tiền lớn (148.700.000 đồng ). Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội, gây bất bình trong người dân; tội phạm mà bị cáo bị truy tố, xét xử có khung hình phạt từ 07 – 15 năm tù, nên cần xử phạt nghiêm.

Xét Tòa án cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định pháp luật, đã xem xét đầy đủ về nhân thân, điều kiện và hoàn cảnh gia đình của bị cáo, xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt với mức án 03 năm 06 tháng tù là đã có xem xét chiều cố nhiều cho bị cáo; các căn cứ, lý do mà bị cáo nêu trong đơn kháng cáo đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mặc dù, trong giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo có cung cấp thêm tình tiết mới về gương người tốt việc tốt, có công trong việc cứu người đuối nước và tin báo tố giác tội phạm giúp cơ quan Công an triệt phá vụ án liên quan đến ma túy, được các cơ quan chức năng xác nhận, nhưng xét mức án trên là phù hợp, các tình tiết mới trên không làm thay đổi nhiều đến bản chất của vụ án và căn cứ quyết định hình phạt của Tòa án cấp sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Bị cáo Đặng Đức T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Căn cứ vào:** Điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Đức T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Căn cứ:* Điểm c khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự.

*Xử phạt:* Đặng Đức T **03 (ba) năm 06 (sáu) tháng** tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Được trừ đi thời gian tạm giam trước đây 02 (hai) tháng 06 (sáu) ngày. Bị cáo phải chấp hành hình phạt còn lại là **03 (ba) năm 03 (ba) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

**2. Về án phí:** Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Đặng Đức T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

**3.** Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Vụ GDKT I – TANDTC;
- Phòng HSNV – CA Tp Đà Nẵng;
- TAND quận Thanh Khê;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Công an quận Thanh Khê;
- THADS quận Thanh Khê;
- Bị cáo;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Trần Minh Long**